



SỞ Y TÊ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

ĐC: 75 Lê Duẩn, T/p Buôn Ma Thuột
ĐT: 02623.852214

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VILAS 598

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

MPT: G-186/22/TP

Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
(Nước sau xử lý – Công trình cấp nước sinh hoạt xã Bông Krang)
Tên khách hàng : Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ : 32 Phan Chu Trinh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
Mô tả mẫu : Mẫu nước đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh nắp kín.
Thời gian lưu mẫu : Không
Ngày lấy mẫu : 30/9/2022
Ngày nhận mẫu : 30/9/2022
Thời gian kiểm nghiệm : Từ ngày 30/9/2022 đến ngày 11/10/2022.
Tài liệu kèm theo : Không
Kết quả kiểm nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	SỐ VỚI QCVN 01-1/2018/BYT
01	Độ màu ^(*)	TCU	HD.02.76/KNĐL	< LOQ (LOQ = 4,8)	15
02	Mùi vị	-	HD.02.78/KNĐL	Không có mùi, vị lạ.	Không có mùi, vị lạ.
03	Độ đục ^(*)	FNU	HD.02.65/KNĐL	1,8	2
04	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,0 – 8,5
05	Clo dư ^(*)	mg/l	HD.02.69/KNĐL	0,3	0,2 – 1,0
06	Chỉ số Pecmanganat ^(*) .	mg/l	HD.02.68/KNĐL	Không phát hiện (LOD = 0,3)	2
07	Hàm lượng Clorua ^(*)	mg/l	TCVN 6194:1996	Không phát hiện (LOD = 1)	250 /300
08	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/l	TCVN 6224:1996	< LOQ (LOQ = 8)	300
09	Hàm lượng Florua ^(*)	mg/l	HD.02.74/KNĐL	0,536	1,5
10	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	mg/l	SMEWW3500-Fe B	Không phát hiện (LOD = 0,03)	0,3

Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Đắk Lắk.

BM.04/QT.08/KNĐL/2021

Trang 1 / 2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

MPT: G-186/22/TP

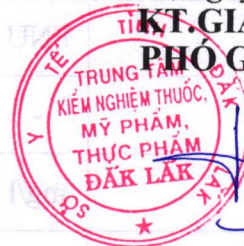
TT.	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	SỐ VỚI QCVN 01-1/2018/BYT
11	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	mg/l	HD.02.75/KNĐL	< LOQ (LOQ = 0,2)	0,1
12	Hàm lượng Sulfate(*)	mg/l	HD.02.66/KNĐL	Không phát hiện (LOD = 3,00)	250
13	Hàm lượng Asen tổng số(*)	mg/l	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (LOD = 0,0001)	0,01
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	HD.02.86/KNĐL/2021 EPA 350.02	Không phát hiện (LOD = 0,03)	0,3
15	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	HD.02.84/KNĐL/2021 TCVN 6179:2008	Không phát hiện (LOD = 0,0001)	0,003
16	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	HD.02.79/KNĐL/2021 SMEWW 3500 -PbA 2017	Không phát hiện (LOD = 0,0015)	0,01
17	Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	Không phát hiện	< 3
18	E.Coli giả định	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	Không phát hiện	< 1

Ghi chú: LOD, LOQ: Giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp;

(): Phương pháp được Vilas công nhận (ISO/IEC 17025:2017);*

*(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ.*

Đắc Lắc, ngày 12 tháng 10 năm 2022



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Lê Hoài Linh

Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Đắc Lắc.

BM.04/QT.08/KNĐL/2021

Trang 2 / 2